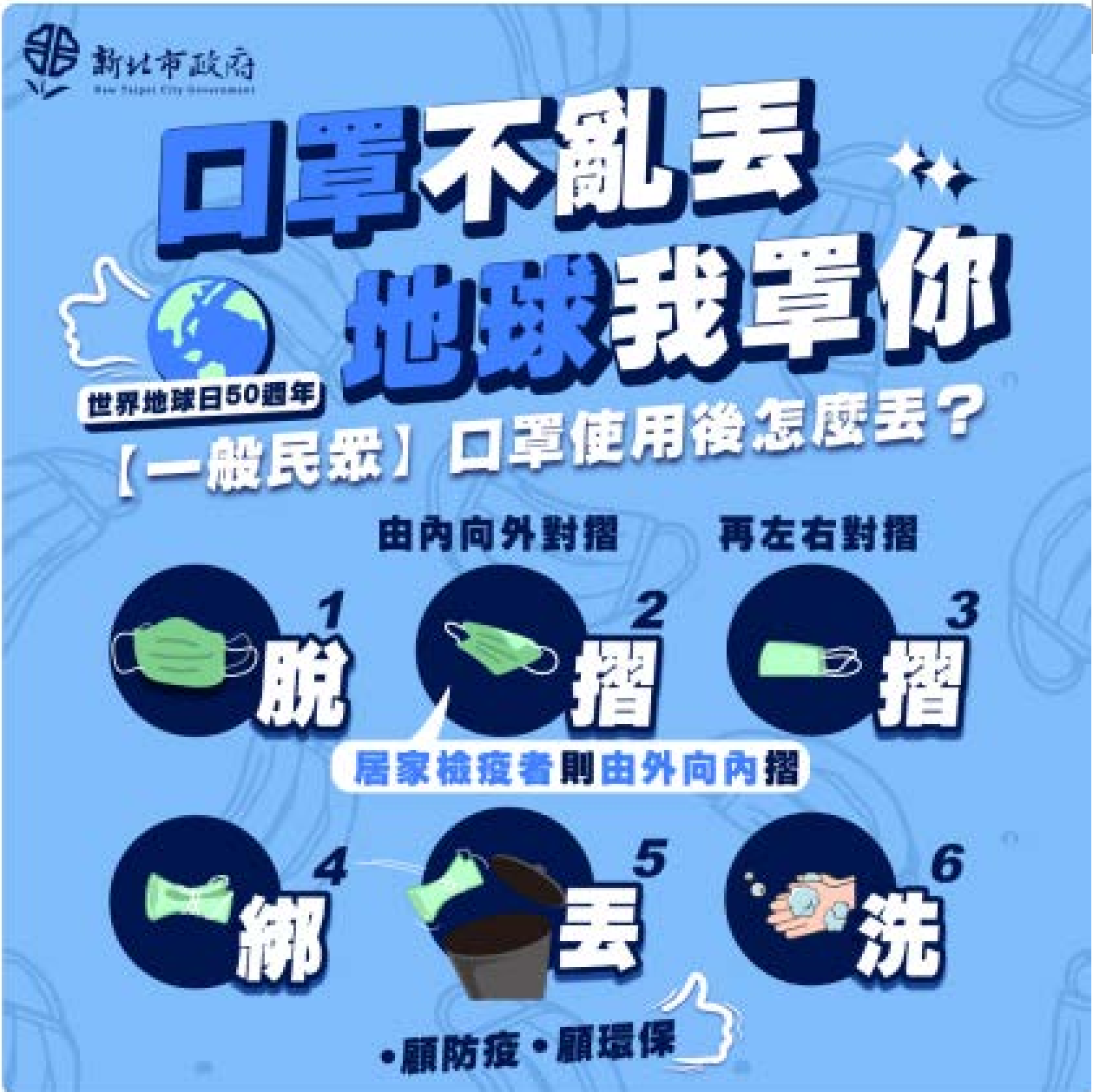


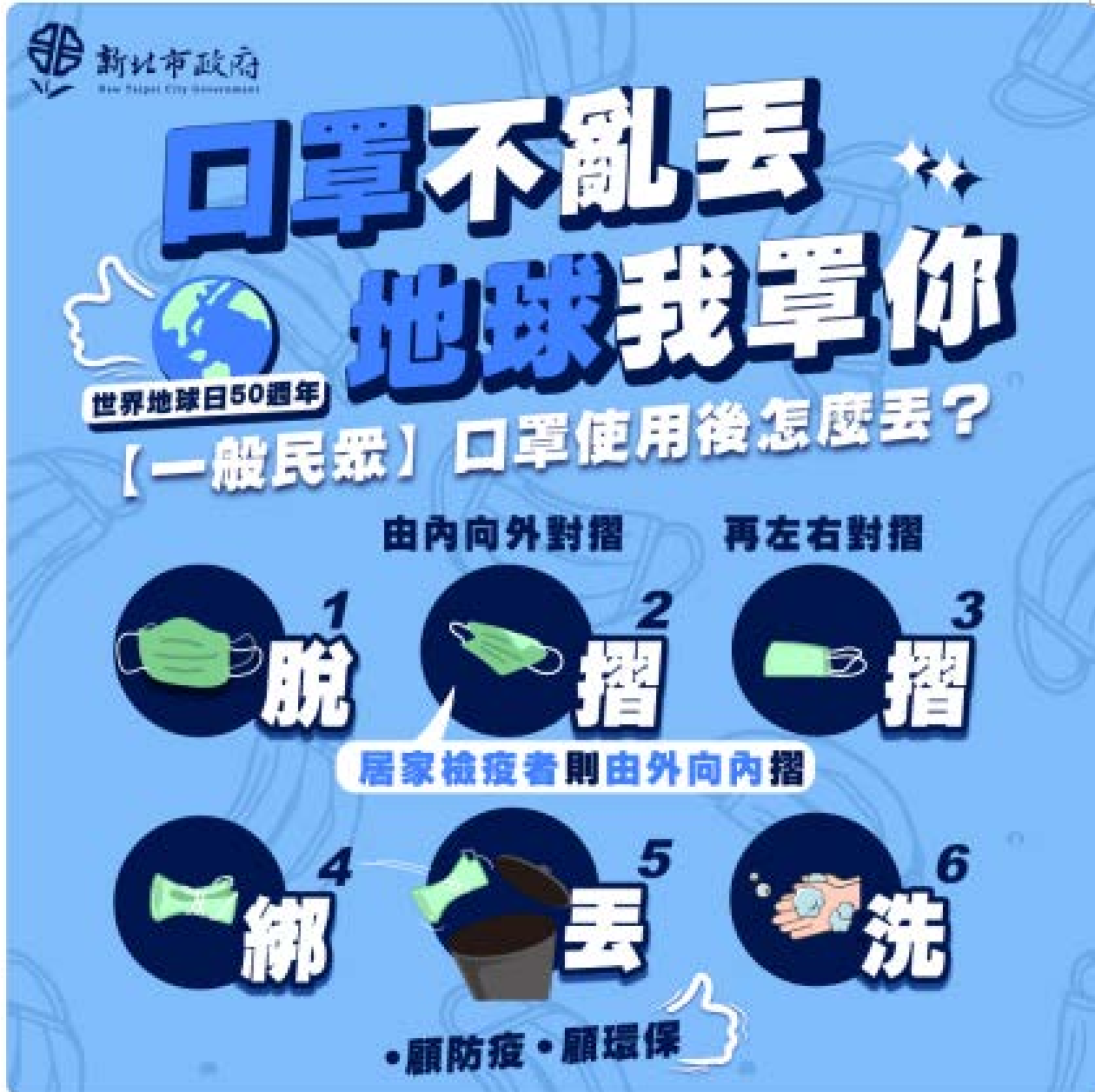
《丟口罩六步驟》

- 1 **脫**：將耳掛從耳後摘下（不要接觸口罩外層）
- 2 **摺**：**一般民眾**由內往外對摺；**居家檢疫者**由外往內對摺
- 3 **摺**：再左右對摺
- 4 **綁**：用耳掛纏繞固定口罩
- 5 **丟**：記得丟入「**一般垃圾**」垃圾桶，千萬不要亂丟
- 6 **洗**：記得將手洗淨並把手擦乾



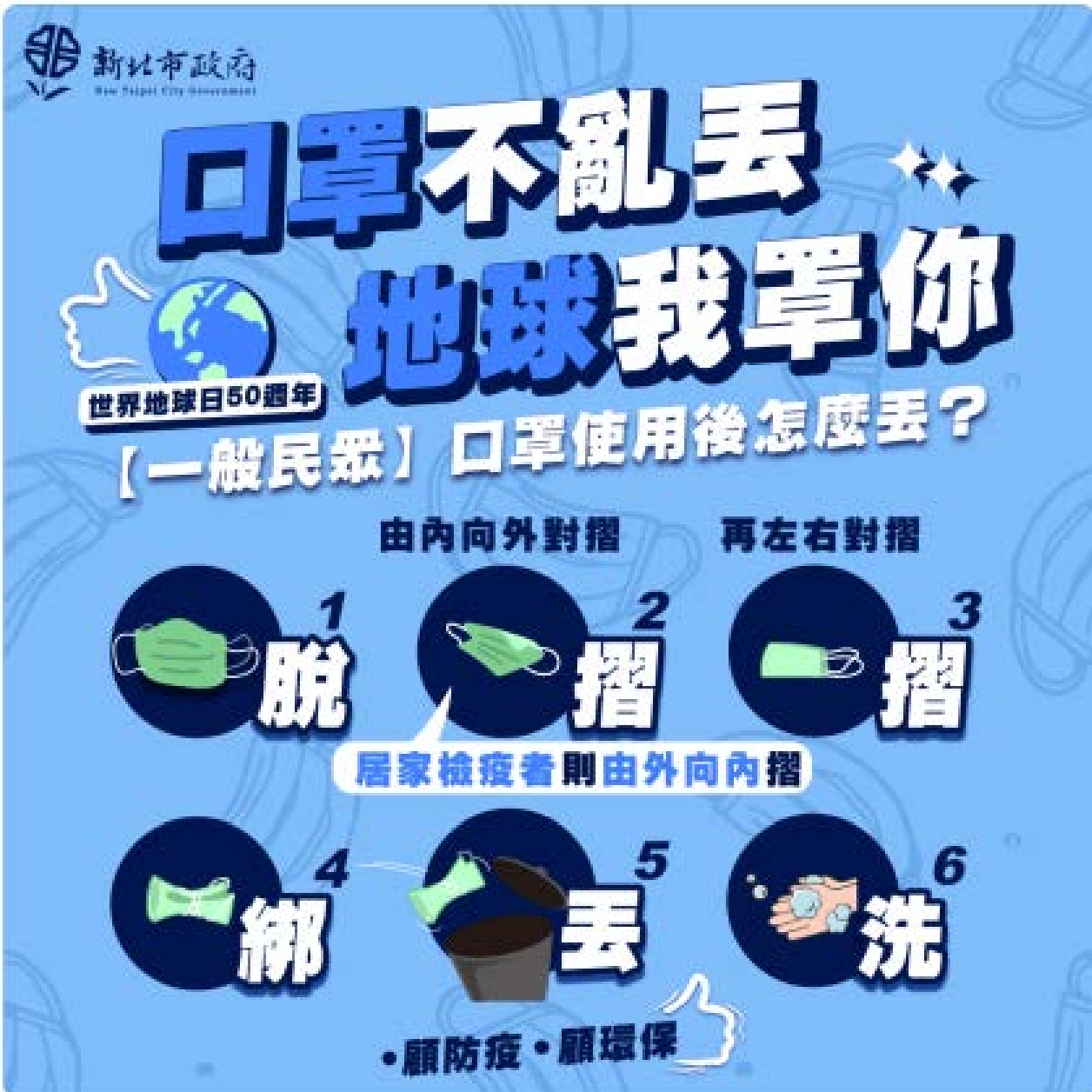
《6ขั้นตอนการทิ้งหน้ากากอนามัย》

- 1 **ถอด** : ถอดสายรัดออกจากด้านหลังหู (ไม่สัมผัสกับชั้นนอกหน้ากากอนามัย)
- 2 **พับ** : ประชาชนทั่วไปพับครึ่งจากในไปนอก ; ผู้ที่กักตัวสังเกตอาการในที่พับครึ่งจากนอกไปใน
- 3 **พับ** : พับครึ่งไปทางซ้ายและขวา
- 4 **มัด** : ใช้สายรัดมัดหน้ากากอนามัย
- 5 **ทิ้ง** : โปรดทิ้งในถังขยะ **「ขยะทั่วไป」** ห้ามทิ้งไปเรื่อย
- 6 **ล้าง** : ล้างมือให้สะอาดและเช็ดให้แห้ง



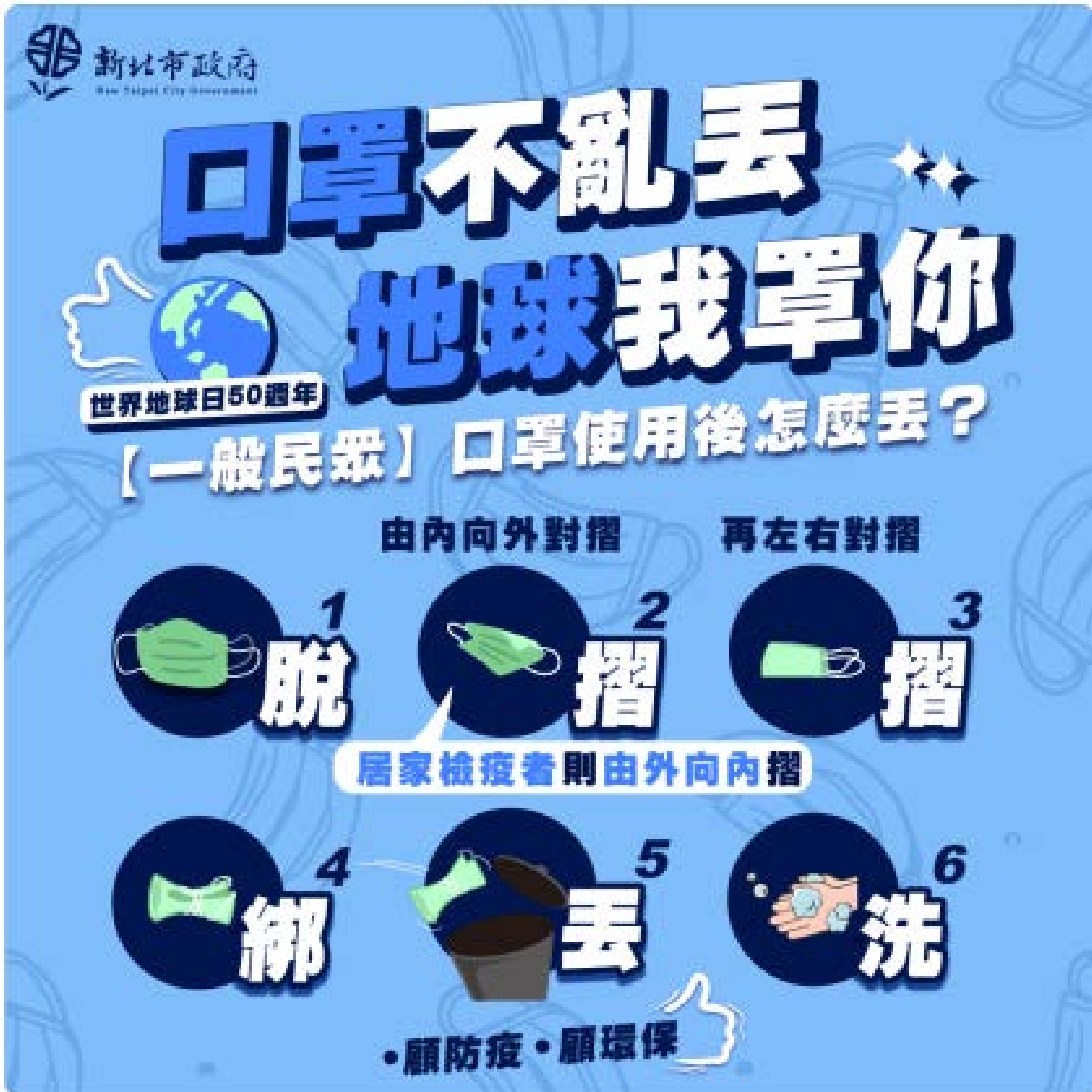
《Six Steps in discarding a Mask》

- 1 **Take off**: Remove the earloop from behind your ears (do not touch the outer layer of the mask)
- 2 **Fold**: **Ordinary people** fold in half from inside to outside; **home quarantine persons** fold in half from outside to inside
- 3 **Fold**: Fold in half again
- 4 **Tie**: Use ear hooks to wrap the mask
- 5 **Throw**: Remember to throw it into the 「**general trash**」 trash bin, don't just throw it away anywhere
- 6 **Wash**: Remember to wash your hands and dry them



《6 bước khi vứt khẩu trang》

- 1 **Tháo**: tháo quai khẩu trang ra từ phía sau tai (không được chạm vào mặt ngoài khẩu trang)
- 2 **Gấp**: **đôi tượng bình thường** sẽ gấp đôi từ trong ra ngoài; **đôi tượng kiểm dịch tại nhà** sẽ gấp đôi từ ngoài vào trong
- 3 **Gấp**: gấp đôi tiếp theo hướng phải trái
- 4 **Buộc**: dùng quai khẩu trang quấn cố định khẩu trang lại
- 5 **Vứt**: nhớ vứt vào thùng rác loại 「**rác thường**」, tuyệt đối không vứt bừa bãi
- 6 **Rửa**: nhớ rửa sạch và lau khô tay



《6 langkah cara buang masker》

- 1 **LEPAS**: lepaskan pengaitan telinga dari belakang (jangan menyentuh lapisan luar masker)
- 2 **LIPAT** : **orang biasa** dari dalam lipat keluar; **yang dikarantina** dari luar lipat kedalam
- 3 **LIPAT**: lipat lagi ke kanan kiri
- 4 **IKAT** : gunakan kait telinga untuk mengikat masker
- 5 **BUANG**: ingat buang masuk 「**sampah biasa**」 tong sampah ,jangan sembarang buang
- 6 **CUCI**: ingatlah cuci tangan dan mengeringkan tangan